

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 08/2021/HS-ST
Ngày 17- 6- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phạm Văn Thích.

2. Ông: Bùi Thanh Hưởng.

- T ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kha- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2021/HSST, ngày 19 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và Tên: **Xạ Hữu T**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 15 tháng 07 năm 1994 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Xạ Minh H, Sinh năm: 1966 và bà Châu Thị R, Sinh năm: 1966; vợ, con: Không có; nhân thân: ngày 24/02/2016, bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 02/2016/HSST (Đã được xóa án tích); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Xạ Hữu T bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 30/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt

2. Họ và Tên: **Lý Quang V**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 12 tháng 01 năm 1995 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn 7 T, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Chín X và bà Văn Thị Đ; vợ, con: chưa có. nhân thân: không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Lý Quang V bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Hiện đang bị cáo đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

3. Họ và Tên: **Vương Văn B**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 17 tháng 12 năm 1986 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn T và bà Nùng Thị V; có vợ: Vương Thị Sinh; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2011; nhân thân: không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 30/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Vương Văn B đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

4. Họ và Tên: **Vương T N**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 12 tháng 05 năm 1989 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 1/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vương Văn T (đã chết) và bà Sạ Thị B (đã chết); vợ, con: Chưa có; nhân thân: Không. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Vương T N bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 30/12/2020 được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Vương T N đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt

5. Họ và Tên: **Vương Văn T**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 29 tháng 05 năm 1995 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn P (đã chết) và bà Vàng Thị T; có vợ: Vương Thị P; con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2017; nhân thân: không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Vương Văn T bị tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày 21/12/2020 đến ngày 28/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Vương Văn T hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

6. Họ và Tên: **Vương Văn V**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1968 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn T (đã chết) và bà Sạ Thị B (đã chết); có vợ: Don Thị H và con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1997; nhân thân: không; tiền án, tiền sự: Không; đảng, đoàn thể: Bị cáo là Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ thôn C, thuộc Đảng bộ xã T, huyện H. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng. Bị cáo Vương Văn V bị tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 24/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Vương Văn V hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

7. Họ và Tên: **Long Văn M**; tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1975 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 0/12. giới tính: Nam; dân tộc: La Chí; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Long Quang C (đã chết) và bà Hoàng Thị K (đã chết); có vợ: Vàng Thị H và con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2007; nhân thân: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Long Văn M bị tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 30/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Long

Văn M hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

8. Họ và Tên: **Sạ Hữu H**; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 19 tháng 8 năm 1992 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sạ Minh Diễm và bà Hoàng Thị Tương; có vợ: Nguyễn Thị H và con: có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Sạ Hữu H bị tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Sạ Hữu H hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

9. Họ và Tên: **Sạ Hữu Đ**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08 tháng 06 năm 1992 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sạ Minh T (đã chết) và bà Hoàng Thị S; có vợ: Giàng Thị L và con: Có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2017; nhân thân: không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Sạ Hữu Đ bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Sạ Hữu Đ đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

10. Họ và Tên: **Xạ Minh B**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 04 tháng 04 năm 1977 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Xạ Đức Đ và bà Súng Thị D; có vợ: Lù Thị N và con: Có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2001; nhân thân: Ngày 23/04/2010, bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 18/QĐ-CA, đã thi hành xong; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Xạ Minh B bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 18/12/2020 đến ngày 28/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Xạ Minh B đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

11. Họ và Tên: **Vương Văn C**; tên gọi khác: Không; Sinh năm 1988 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn Ân và bà Nguyễn Thị U; có vợ Tráng Thị L, Sinh năm: 1989 và con: Có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2011; nhân thân: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Vương Văn C bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Vương Văn C đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

12. Họ và Tên: **Vàng Văn K**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 28 tháng 08 năm 1993 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn Pắc Ngâm, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Văn C và bà Lù Thị R; có vợ: Thèn Thị L và con: Có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2020; nhân

thân: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Vàng Văn K bị tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 30/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Vàng Văn K đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

13. Họ và Tên: **Tráng Văn L**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1979 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tráng Trự D và bà Cháng Thị P (đã chết); có vợ Chương Thị T và con: Có 2 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2007; nhân thân: Ngày 09/01/2009 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 04/QĐ-CA, đã thi hành xong. Ngày 23/7/2013 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 53/QĐ-XPHC, đã thi hành xong; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Tráng Văn L bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 14/12/2020 đến ngày 24/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Tráng Văn L đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

14. Họ và Tên: **Sạ Hữu T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 11 năm 1993 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/10; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sạ Minh T và bà Vàng Thị P; có vợ: K và con: Có 01 con, sinh năm 2019; nhân thân: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Sạ Hữu T bị tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 24/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Sạ Hữu T đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

15. Họ và Tên: **Vương Văn Đ**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 02 năm 1982 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn TRẦY, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Xuân Q và bà Súng Thị T; có vợ: Nông Thị Y và con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2013; đảng, đoàn thể: Bị cáo là Bí T Chi bộ thôn TRẦY, thuộc Đảng bộ xã T, huyện H. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; nhân thân: Ngày 21/03/2018 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đ (*một triệu đồng*) về hành vi đánh bạc theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 643/QĐ-XPHC, đã thi hành xong; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Vương Văn Đ bị tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày 12/12/2020 đến ngày 24/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Vương Văn Đ đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

16. Họ và Tên: **Vương Văn V**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 05 tháng 07 năm 1990 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Xuân Q và bà Súng Thị T; có vợ: Hoàng Thị K và con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017; nhân thân: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Vương Văn V bị tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày

18/12/2020 đến ngày 30/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Vương Văn V đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

17. Họ và Tên: **Vương Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 12 tháng 03 năm 1988 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn Tân T 1, xã T, huyện H, tỉnh H; trình độ học vấn: 04/12; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn Rỗi và bà Vàng Thị Kiên; có vợ: Không có; nhân thân: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Vương Văn T bị tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Vương Văn T đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

18. Họ và Tên: **Vương Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1970 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 0/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn Tinh (đã chết) và bà Sạ Thị Ban (đã chết); có vợ Hoàng Thị Sức và con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 1999; nhân thân: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Vương Văn T bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Vương Văn T đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

19. Họ và Tên: **Vương Văn P**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1997 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Vương Văn T và bà Hoàng Thị S; có vợ Sạ Thị C và con: Có 01 con, sinh năm 2019; nhân thân: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Vương Văn P bị tạm giữ, tạm, kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 24/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Vương Văn P đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

20. Họ và Tên: **Vùi Văn C**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 05 tháng 05 năm 1986 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn Tân T 1, xã T, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vùi Văn D và bà Lý Thị S; có vợ Dì Thị N và con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2013; nhân thân: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Vùi Văn C bị tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Vùi Văn C đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú xã T, huyện H. Có mặt.

21. Họ và Tên: **Sùng Văn Đ**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 7 năm 1983 tại xã T, huyện H, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn Pắc Ngâm, xã T, huyện H, tỉnh Hà Gian; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Văn T (đã chết) và bà: Lù Thị R; có vợ Lèng Thị S và con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2007; đảng, đoàn thể: Bị cáo là Bí T Chi bộ thôn P, thuộc Đảng bộ xã T, huyện H.

Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; nhân thân: Không; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Sùng Văn Đ bị tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 24/12/2020, sau đó được áp dụng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo Sùng Văn Đ đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 10/12/2020, Xạ Hữu T, sinh năm 1994, trú tại thôn B, xã T, huyện H đi từ đám cưới nhà ông Vương Văn N xuống nhà Vương Văn T, sinh năm 1970, trú tại thôn C, xã T, huyện H chơi. Khi đến gầm sàn nhà ông T, T thấy Xạ Minh B, sinh năm 1977, trú tại thôn B, xã T, huyện H; Vương Văn T, sinh năm 1988, trú tại thôn Tân T 1, xã T, huyện H; Vương Văn B, sinh năm 1986, trú tại thôn C, xã T, huyện H đang ngồi uống nước nói chuyện, T nảy sinh ý định rủ mọi người đánh bạc nên nói: “làm tý đi nhì” ý là rủ mọi người đánh bạc, nghe T nói vậy B, T, B hiểu ý của T và đồng ý. T đi xuống bếp nhà ông T chuẩn bị bát đĩa và lấy kéo cắt 04 quân vị hình tròn, một mặt trắng, một mặt vàng B vỏ bao thuốc lá thẳng long đặt ở chiều đã được trải sẵn ở gầm sàn nhà ông T, cả 4 người ngồi xuống chiếu đánh bạc, B là người cầm cái các ván đầu tiên. Các bị can thống nhất đánh bạc B hình thức chơi xóc đĩa ăn tiền, cách thức chơi là sử dụng 01 chiếc bát; 01 chiếc đĩa; 04 mảnh vỏ bao thuốc lá thẳng long hình tròn, một mặt vàng, một mặt trắng làm quân bài cho vào đĩa rồi úp bát lên để cho người cầm cái xóc, khi mở bát ra nếu thấy có 04 quân vàng hay 04 quân trắng hoặc 02 quân trắng, 02 quân vàng thì tính chắn, còn nếu có 03 quân trắng, 01 quân vàng hoặc 03 quân vàng, 01 quân trắng thì tính là lẻ. Mỗi ván chơi, những người cùng chơi có thể đặt tiền tùy theo ý muốn từ 10.000đ (mười nghìn đồng) đến 50.000đ (năm mươi nghìn đồng). Đặt bên tay phải của người cầm cái là cửa chắn, bên tay trái của người cầm cái là cửa lẻ. Nếu cửa lẻ thắng thì người cầm cái sẽ thu tiền ở bên cửa chắn về và trả cho những người đặt tiền ở cửa lẻ tương ứng với số tiền mà họ đã đặt lúc chưa mở bát, còn nếu cửa chắn thắng thì làm ngược lại.

Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Vương T N, sinh năm 1989, trú tại thôn C, xã T, huyện H; Vương Văn V, sinh năm 1990, trú tại thôn TRây, xã T, huyện H; Sạ Hữu T, sinh năm 1993, trú tại thôn B, xã T, huyện H đi từ đám cưới nhà ông Vương Văn N, sinh năm 1975, ở gần nhà ông Tsang chơi, thấy mọi người đang đánh bạc nên vào tham gia đánh bạc cùng, B chuyển cho N cầm cái. Khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, Vương Văn T, sinh năm 1995, trú tại thôn C, xã T, huyện H; Lý Quang V, sinh năm 1995, trú tại thôn 7 Tả Lèng, xã T, huyện H đi từ đám cưới nhà ông Nới đến chơi và cùng tham gia đánh bạc, N chuyển cho Lý Quang V cầm cái. Trong lúc đánh bạc có Vương Văn Đ, sinh năm 1982, trú tại thôn TRây, xã T, huyện H gọi điện thoại cho B hỏi: “ở đám cưới còn chơi không?” ý là dưới đám cưới còn ngồi uống rượu không để xuống chơi, B trả lời: “sắp tan rồi, nếu anh xuống mua hộ chú Tdây thuốc Lào”, Đ đồng ý và đi từ nhà Đ mua 01 cây thuốc Lào mang xuống nhà ông T đưa cho B, Đ

thấy mọi người đang đánh bạc nên cũng vào tham gia đánh bạc. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Sùng Văn Đ, sinh năm 1983, trú tại thôn Pắc Ngâm, xã T, huyện H; Vui Văn C, sinh năm 1986, trú tại thôn Tân T 1, xã T, huyện H; Vương Văn V, sinh năm 1968, Long Văn M, sinh năm 1975, cùng trú tại thôn C, xã T, huyện H; Tráng Văn L, sinh năm 1979, Tráng Văn T, sinh năm 1983, cùng trú tại thôn C, xã T, huyện H; Vương Văn C, sinh năm 1988, Sạ Hữu Đ, sinh năm 1992, cùng trú tại thôn C, xã T, huyện H đi từ đám cưới nhà ông Nơi sang nhà ông Tchoi và cùng tham gia đánh bạc. Tiếp đó, Sạ Hữu H, sinh năm 1992, trú tại thôn B, xã T, huyện H; Vàng Văn K, sinh năm 1993, trú tại thôn Pắc Ngâm, xã T, huyện H đến tìm con trai ông Tlà Vương Văn P, sinh năm 1998, ở cùng nhà với T, H tìm P để hỏi vay tiền, còn K tìm P để hỏi đi làm thuê cùng P, khi đến nơi H, K thấy mọi người đang đánh bạc nên cũng vào tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Vương Văn P, Vương Văn T đi ăn cưới nhà ông Nơi về nhà thấy mọi người vẫn đánh bạc ở dưới gầm sàn nhà mình nên P bảo Lý Quang V: “*thu hộ em tiền của mỗi người mấy chục nghìn rồi đưa cho bố em*” ý là thu tiền hồ đưa cho ông Tđể P cho các bị can tiếp tục sử dụng nhà mình làm địa điểm đánh bạc, V đồng ý. Tiếp đó, Tđến vỗ vai Lý Quang V bảo: “*cho chú xin tiền điện mỗi người 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) để chú còn đi ngủ*” ý thu tiền hồ để cho các bị can sử dụng nhà mình làm địa điểm đánh bạc, V trả lời: “*cháu khắc biết cho tiền điện chú*”. Lý Quang V tự bỏ ra 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) rồi thu của B, K, Sùng Văn Đ, Vương Văn V, Tráng Văn T mỗi người 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền thu được 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đưa cho Tcầm, P thấy vậy nên đi ngủ trước.

Trước khi tham gia đánh bạc, T mang theo 120.000đ (một trăm hai mươi nghìn đồng), B mang theo 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng), T mang theo 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng); B mang theo 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), K mang theo 180.000đ (một trăm tám mươi nghìn đồng), Lù mang theo 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), T mang theo 100.000đ (một trăm nghìn đồng), C mang theo 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), Sạ Hữu Đ mang theo 130.000đ (một trăm ba mươi nghìn đồng), T mang theo 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), Đ mang theo 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng), V mang theo 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng), Lý Quang V mang theo 100.000đ (một trăm nghìn đồng), C mang theo 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng), Sùng Văn Đ mang theo 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng), M mang theo 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng), N không mang theo tiền nhưng đòi T trả nợ tiền bán chim được 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), Vương Văn V không mang theo tiền nhưng xin được của Lù 100.000đ (một trăm nghìn đồng), H mang theo 3.000đ (ba nghìn đồng) và xin của Sạ Hữu Đ 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) để sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Đ, B và T thua hết tiền nên đi về nhà trước. Các bị cáo còn lại đánh bạc đến khoảng 23 giờ 00 phút ngày 10/12/2020, thì bị Công an huyện H phát hiện bắt quả tang. Trong quá trình vây bắt Sạ Hữu Đ, V, T, N, C, Lù, Tuấn và K đã bỏ trốn được, K cầm theo số tiền là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Tại chiếu bạc, Công an thu giữ 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa, 01 chiếc chiếu, 04 quân vị hình tròn, một

mặt trắng, một mặt vàng B vỏ bao thuốc lá trắng long và 12.008.000đ (*mười hai triệu không trăm linh tám nghìn đồng*) tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc, thu giữ trên người Vương Văn T số tiền gá bạc là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 10/12/2020 của Công an huyện H xác định số tiền dùng để đánh bạc thu được tại chiếu bạc và trên người Vương Văn T là **12.308.000** đồng (*Mười hai triệu ba trăm linh tám nghìn đồng*)(Bút lục 04). Tại Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 11/12/2020 Công an huyện H xác định số tiền dùng để đánh bạc Vàng Văn K giao nộp là **150.000** đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) (Bút lục số 20). Trước Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận tổng số tiền các bị cáo mang theo để sử dụng vào mục đích đánh bạc là **12.283.000** đồng (*mười hai triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng*). Trong đó, có 06 bị cáo gồm Lý Quang V, Vương Văn B, Vàng Văn K, Sùng Văn Đ, Vương Văn V, Tráng Văn T mỗi người bỏ ra 50.000 đồng (*năm mươi nghìn đồng*) để đưa tiền hồ cho ông T theo yêu cầu của T và P.

Tuy nhiên, trong quá trình bắt quả tang có bị cáo Tráng Văn T hiện đang bỏ trốn, không có tài liệu chứng minh T mang theo bao nhiêu tiền để đánh bạc nên số tiền khai báo không phù hợp với số tiền đã thu được tại chiếu bạc, thu trên người Vương Văn T và Vàng Văn K giao nộp khi đầu thú. Căn cứ điểm a, khoản 4, Điều 1 Nghị Quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cơ quan điều tra xác định số tiền dùng vào đánh bạc là 12.458.000đ (*mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Ngày 13/12/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện H ra Quyết định trưng cầu giám định số 42/QĐ-CSĐT. Trưng cầu giám định: Vật chứng (*Tiền Việt Nam đồng*) thu giữ trên chiếu bạc, thu giữ trên người Vương Văn T và Vàng Văn K là 12.458.000 đồng (*Mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Tại Bản kết luận giám định số 419/KL- PC09 ngày 17/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã thu giữ số tang vật gồm:

Thu tại chiếu bạc: 01 chiếu nhựa, 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa, 04 quân vị B vỏ bao thuốc lá trắng long, một mặt vàng, một mặt trắng và 12.008.000đ (*mười hai triệu không trăm linh tám nghìn đồng*).

- Kiểm tra, thu giữ trên người: Vương Văn T số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*); Thu giữ của Lý Quang V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, bạc, ốp nhựa trong gắn 01 sim điện thoại số: 0965.915.195; Thu giữ của Sùng Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Glaxy A7, màu đen gắn 01 sim điện thoại số: 0985.605.947; Thu giữ của Sạ Hữu Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu RealM C2, màu đen gắn 01 sim điện thoại số 0974.952.342; Thu giữ của Vương Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng đồng, ốp nhựa trong gắn 01 sim điện thoại số: 0335.000.323; Thu giữ của Vương Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen gắn 01 sim

điện thoại số: 0836.544.738; Thu giữ của Vàng Văn K số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng);

Quá trình điều tra đã chứng minh là rõ số đồ vật thu giữ các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, không liên quan đến vụ án. Ngày 29/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 03 trả lại số tài sản bị tạm giữ cho các bị cáo Lý Quang V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, bạc, ốp nhựa trong gắn 01 sim điện thoại số: 0965.915.195; Sùng Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Glaxy A7, màu đen gắn 01 sim điện thoại số: 0985.605.947; Sạ Hữu Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu RealM C2, màu đen gắn 01 sim điện thoại số 0974.952.342; Vương Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng đồng, ốp nhựa trong gắn 01 sim điện thoại số: 0335.000.323; Vương Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen gắn 01 sim điện thoại số: 0836.544.738.

Hiện còn 01 chiếc nhựa, 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa, 04 quân vị B vỏ bao thuốc lá thẳng long, một mặt vàng, một mặt trắng và 12.458.000đ (mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng). Toàn bộ các vật chứng trên đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự huyện H để xử lý theo quy định.

Tại cáo trạng số 05/CT-VKS, ngày 16 tháng 4 năm 2021. Viện kiểm sát nhân dân huyện H quyết định truy tố các bị cáo Xạ Hữu T, Lý Quang V, Vương Văn B, Vương T N, Sùng Văn Đ, Vương Văn T, Vương Văn V, Vương Văn C, Long Văn M, Sạ Hữu H, Sạ Hữu Đ, Vui Văn C, Sạ Hữu T, Vàng Văn K, Vương Văn Đ, Tráng Văn L, Xạ Minh B, Vương Văn V, Vương Văn T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Vương Văn T, Vương Văn P về tội “Gá bạc” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Xạ Hữu T, Lý Quang V, Vương Văn B, Vương T N, Sùng Văn Đ, Vương Văn T, Vương Văn V, Vương Văn C, Long Văn M, Sạ Hữu H, Sạ Hữu Đ, Vui Văn C, Sạ Hữu T, Vàng Văn K, Vương Văn Đ, Tráng Văn L, Xạ Minh B, Vương Văn V, Vương Văn T, Vương Văn T, Vương Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh H thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố theo cáo trạng số 05/CT-VKS, ngày 16 tháng 4 năm 2021. Sau khi xem xét đánh giá chứng cứ, động cơ, mục đích phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử các nội dung:

* Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Xạ Hữu T, Lý Quang V, Vương Văn B, Vương T N, Sùng Văn Đ, Vương Văn T, Vương Văn V, Vương Văn C, Long Văn M, Sạ Hữu H, Sạ Hữu Đ, Vui Văn C, Sạ Hữu T, Vàng Văn K, Vương Văn Đ, Tráng Văn L, Xạ Minh B, Vương Văn V, Vương Văn T phạm tội “Đánh bạc”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Vương

Văn T, Vương Văn P phạm tội “Gá bạc” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

* Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Xạ Hữu T từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Tráng Văn L từ 20 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Xạ Minh B từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn Đ từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn B từ 14 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Sùng Văn Đ từ 14 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn C từ 14 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Lý Quang V từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương T N từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn V từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Long Văn M từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Sạ Hữu H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam.

+ Xử phạt bị cáo Sạ Hữu Đ từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vui Văn C từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Sạ Hữu T từ 09 tháng đến 12 cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt Vàng Văn K từ 09 tháng đến 12 cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn V từ 09 tháng đến 12 cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn T từ 09 tháng đến 12 cải tạo không giam giữ, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian cải tạo không giam giữ.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn P từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền là 12.458.000đ (*mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 01 chiếc nhựa màu xanh, 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn làm B vỏ bao thuốc lá thẳng long, một mặt vàng, một mặt trắng.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát luận tội, đề nghị mức hình phạt các bị cáo không có tranh luận với Viện kiểm sát, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người T hành tố tụng và cơ quan T hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án của Điều tra viên, kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp như nội dung cáo trạng đã nêu. Dựa trên các chứng cứ trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, xác định được hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Khoảng 18 giờ ngày 10/12/2020, các bị cáo gồm Xạ Hữu T, sinh năm 1994, Vương Văn B, sinh năm 1986, Vương T N, sinh năm 1989, Vương Văn T, sinh năm 1995, Vương Văn V, sinh năm 1968, Long Văn M, sinh năm 1975, Vương Văn C, sinh năm 1988, Sạ Hữu Đ, sinh năm 1992, Xạ Minh B, sinh năm 1977, Sạ Hữu H, sinh năm 1992, Sạ Hữu T, sinh năm 1993, Vương Văn T, sinh năm 1988, Vui Văn C, sinh năm 1986, Vương Văn V, sinh năm 1990, Vương Văn Đ, sinh năm 1982, Sùng Văn Đ, sinh năm 1983, Vàng Văn K, sinh năm 1993, cùng trú tại xã T, huyện H; Lý Quang V, sinh năm 1995, trú tại xã T, huyện H; Tráng Văn L, sinh năm 1979, trú tại xã T, huyện H đánh bạc B hình thức xóc đĩa ăn tiền tại nhà ông Vương Văn T, sinh năm 1970, trú tại thôn C, xã T, huyện H. Căn cứ điểm a, b khoản 3, Điều 1 - Nghị Quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, quy định: “Tiền hoặc hiện vật dùng để đánh bạc” là số tiền thu giữ được trực tiếp trên chiếu bạc, tiền hoặc hiện vật thu giữ được trong người các con bạc mà có căn cứ xác định đã được hoặc sẽ được dùng đánh bạc, cho nên xác định số tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc là 12.458.000đ(*mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Hành vi của các bị cáo Xạ Hữu T, Lý

Quang V, Vương Văn B, Vương T N, Sùng Văn Đ, Vương Văn T, Vương Văn V, Vương Văn C, Long Văn M, Sạ Hữu H, Sạ Hữu Đ, Vui Văn C, Sạ Hữu T, Vàng Văn K, Vương Văn Đ, Tráng Văn L, Xạ Minh B, Vương Văn V, Vương Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: “ *Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua B tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm* ”, bị cáo Vương Văn T, Vương Văn P thấy các bị cáo Xạ Hữu T, Lý Quang V, Vương Văn B, Vương T N, Sùng Văn Đ, Vương Văn T, Vương Văn V, Vương Văn C, Long Văn M, Sạ Hữu H, Sạ Hữu Đ, Vui Văn C, Sạ Hữu T, Vàng Văn K, Vương Văn Đ, Tráng Văn L, Xạ Minh B, Vương Văn V, Vương Văn T đánh bạc ở nhà mình nên đã thu tiền từ các bị cáo đang đánh bạc để hưởng lợi số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo Vương Văn T, Vương Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự. Điểm b Khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự quy định: “ *Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: b, Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;* ”. Như vậy việc truy tố và xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 và tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm xâm phạm trật tự công cộng, đánh bạc, gá bạc là một tệ nạn xã hội Tòng dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như trộm cắp, gây Tơng tích, giết người, cướp của..., các bị cáo đều biết đánh bạc, gá bạc sát phạt được thua B tiền là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi trước mắt nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện việc coi Tòng pháp luật, hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, vậy cần thiết phải xử lý các bị cáo B pháp luật hình sự mới có đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo.

[4] Xét tính chất, mức độ, vai trò hành vi phạm tội của từng bị cáo thấy rằng: Các bị cáo đều đi dự đám cưới sau khi hợ và ăn cơm uống rượu từ đám cưới xong thì các bị cáo tụ tập nhau để đánh bạc, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội một cách bột phát, không có người tổ chức, không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau trong quá trình chơi, các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm.

[5] Đối với bị cáo Xạ Hữu T khi từ đám cưới đến nhà ông Vương Văn T thấy Xạ Minh B, Vương Văn T, Vương Văn B ngồi uống nước nói chuyện, T đã nảy sinh rủ mọi người đánh bạc thấy mọi người đồng ý T đã xuống bếp nhà ông T lấy bát, đĩa, cắt quân chuẩn bị công cụ, dụng cụ để đánh bạc, B là người xóc cái đầu tiên như vậy T là người khởi xướng tham gia tích cực cùng các bị cáo khác trong việc đánh bạc sát phạt nhau, sau khi đánh hết tiền T ngồi xem và không tham gia chơi nữa.

[6] Các bị cáo sau khi ở đám cưới nhà ông Vương Văn N và ở nhà sang nhà ông T thấy mọi người đang đánh bạc gồm: Vương T N, Vương Văn T, Vương Văn V, Long Văn M, Xạ Hữu H, Vương Văn C, Vàng Văn K, Tráng Văn L, Sạ Hữu T, Vương Văn Đ, Vương Văn T, Vui Văn C, Sùng Văn Đ, khi đến thấy mọi người đang đánh bạc thì các bị cáo cùng tham gia đánh bạc sát phạt được thua B tiên, trong số các bị cáo tham gia đánh bạc thì có Vương Văn B mang theo 5.500.000đ, bị cáo Sùng Văn Đ mang theo 2.800.000đ, bị cáo Vương Văn C mang theo 2.100.000đ, còn lại các bị cáo khác mang theo hoặc xin các bị cáo đang đánh bạc từ mấy trăm nghìn đồng đến mấy chục nghìn đồng.

[7] Đối với bị cáo Vương Văn T, Vương Văn P khi các bị cáo đến nhà mình tụ tập để đánh bạc thì đã không can ngăn mà để các bị cáo tiếp tục chơi sau đó thu tiền hồ được 300.000đ.

[8] Xét về nhân thân, tiền án, tiền sự của các bị cáo: Các bị cáo Vương Văn T, Sạ Hữu Đ, Vương Văn V, Sạ Hữu T, Vương T N, Vui Văn C, Vàng Văn K, Lý Quang V, Vương Văn B, Vương Văn V, Long Văn M, Sạ Hữu H, Vương Văn C, Vương Văn T, Sùng Văn Đ, Vương Văn T, Vương Văn P có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Đối với bị cáo Xạ Hữu T ngày 24/02/2016 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 02/2016/HSST (*Đã đương nhiên được xóa án tích*); Đối với Xạ Minh B ngày 23/04/2010 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 18/QĐ-CA đã thi hành xong (*Hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính*); Đối với Tráng Văn L ngày 09/01/2009 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 04/QĐ-CA, đã thi hành xong; Ngày 23/7/2013 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 53/QĐ-XPHC, đã thi hành xong. (*Đối với các quyết định xử phạt vi phạm chính tính đến thời điểm phạm tội đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính*); Đối với Vương Văn Đ ngày 21/03/2018 bị Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính 1.000.000đ (*một triệu đồng*) về hành vi đánh bạc theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 643/QĐ-XPHC đã thi hành xong (*Hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính*).

[9] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo: Các bị cáo Vương Văn Đ, Xạ Minh B, Vương Văn T, Sạ Hữu Đ, Vương Văn V, Sạ Hữu T, Vương T N, Vui Văn C, Tráng Văn L, Vàng Văn K được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải; người phạm tội ra đầu thú; người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Lý Quang V, Vương Văn B, Vương Văn V, Long Văn M, Sạ Hữu H, Vương Văn C, Vương Văn T, Sùng Văn Đ được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Xạ Hữu T, Vương Văn T, Vương Văn P được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo để các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[10] Về hình phạt; Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi nguy hiểm cho xã hội của các bị cáo cần phải xử phạt các bị cáo một mức án đủ nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[11] Đối với bị cáo Xạ Hữu T là người khởi xướng, đã bị kết án năm 2016 tuy nhiên đến thời điểm phạm tội bị cáo đã được xóa án tích nên không bị coi là có tiền án, số tiền tham gia đánh bạc không nhiều (120.000đ), trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng. Do bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét không cần cách ly bị các bị cáo khỏi xã hội, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo như vậy cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[12] Đối với các bị cáo Xạ Minh B, Tráng Văn L, Vương Văn Đ tham gia đánh bạc sát phạt nhau với vai trò tích cực, trước đó các bị cáo đều đã bị xử phạt vi phạm hành chính tuy nhiên đến thời điểm phạm tội đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, số tiền tham gia đánh bạc không nhiều, (B có 300.000đ, Lù có 500.000đ, Đ có 60.000đ), trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét không cần cách ly bị các bị cáo khỏi xã hội, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo như vậy cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[13] Đối với các Sùng Văn Đ, Vương Văn C, Vương Văn B cũng tham gia đánh bạc sát phạt nhau với vai trò tích cực, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác (B có 5.500.000đ, Đông 2.800.000đ, C 2.100.000đ), tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người

dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét không cần cách ly bị các bị cáo khỏi xã hội, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo như vậy cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

[14] Đối với các bị cáo Vương Văn T, Sạ Hữu Đ, Vương Văn V, Sạ Hữu T, Vương T N, Vui Văn C, Vàng Văn K, Lý Quang V, Vương Văn V, Long Văn M, Sạ Hữu H, Vương Văn T, cũng tham gia tích cực trong quá trình đánh bạc, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc không nhiều chủ yếu chỉ mấy chục nghìn đến hơn một trăm nghìn, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét không cần cách ly bị các bị cáo khỏi xã hội, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo như vậy cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

[15] Đối với bị cáo Vương Văn T, Vương Văn P sau khi đi từ đám cưới về thấy mọi người đánh bạc gầm sàn nhà mình nên P bảo Lý Quang V thu hộ em tiền của mỗi người mấy chục rồi đưa cho bố em, sau đó T đến vỗ vai bị cáo V nói cho chú xin mỗi người 50.000đ để chú đi ngủ sau đó V thu một số bị cáo được 300.000đ đưa cho bị cáo T, như vậy hành vi của bị cáo T, P đã trục lợi và tạo điều kiện cho các bị cáo đánh bạc, về vai trò bị cáo T là bố người lớn tuổi nhưng không gương mẫu, trực tiếp cầm tiền của các bị cáo, nên khi quyết định hình phạt cần phải có mức án cao hơn bị cáo P, vậy cũng cần có mức án đủ nghiêm nhằm răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T, P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, số tiền trục lợi không lớn, có nơi cư trú ổn định, xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo Vương Văn T, Vương Văn P được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa P cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, từ đó giúp bị cáo tích cực học tập, cải tạo trở thành công dân tốt.

[16] Do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, gia đình đều thuộc diện khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập của các bị cáo theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 và khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự, do các bị cáo đều không có việc làm và thu nhập, gia đình thuộc diện khó khăn không có khả năng thi hành.

[17] Đối với Quyết định số 73/QĐ-XPVPHC ngày 17/7/2019 của Công an huyện H xử phạt vi phạm hành chính 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đối với Tráng Văn L về

hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác, tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lù khai không bị xử phạt, không được ký biên bản vi phạm hành chính, không nhận được Quyết định xử phạt VPHC, không được nộp tiền phạt, sau khi xem xét tài liệu xử phạt vi phạm hành chính trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Trong hồ sơ có Quyết định xử phạt VPHC, có biên bản vi phạm hành chính nhưng không có chữ ký của người vi phạm, về giấy nộp không phải bị cáo Lù là người nộp tiền (*người nộp là Hoàng T Đạt, không ghi nộp thay*). Như vậy về thủ tục ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73 đối với bị cáo Lù là chưa rõ ràng và chưa hợp pháp, vì vậy không có cơ sở để xác định nhân thân bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Kiến nghị với Cơ quan công an huyện H, tỉnh H xem xét lại Quyết định số 73/QĐ-XPVPHC ngày 17/7/2019 đối với Tráng Văn L để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[18] Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã thu giữ và đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 03 trả lại số tài sản bị tạm giữ cho các bị cáo Lý Quang V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng, bạc, ốp nhựa trong gắn 01 sim điện thoại số: 0965.915.195; Sùng Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Glaxy A7, màu đen gắn 01 sim điện thoại số: 0985.605.947; Sạ Hữu Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu RealM C2, màu đen gắn 01 sim điện thoại số 0974.952.342; Vương Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng đồng, ốp nhựa trong gắn 01 sim điện thoại số: 0335.000.323; Vương Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, màu đen gắn 01 sim điện thoại số: 0836.544.738. Xét thấy việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là đúng theo quy định của pháp luật. Hiện còn vật chứng gồm: 01 chiếc nhựa, 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa, 04 quân vị B vỏ bao thuốc lá trắng long, một mặt vàng, một mặt trắng và 12.458.000đ (mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng). Xét thấy vật chứng này là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng cần áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy đối với 01 chiếc nhựa, 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa, 04 quân vị B vỏ bao thuốc lá trắng long, một mặt vàng, một mặt trắng và tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền 12.458.000đ (*mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

[19] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố: Các bị cáo Xạ Hữu T, Lý Quang V, Vương Văn B, Vương T N, Sùng Văn Đ, Vương Văn T, Vương Văn V, Vương Văn C, Long Văn M, Sạ Hữu H, Sạ Hữu Đ, Vùi Văn C, Sạ Hữu T, Vàng Văn K, Vương Văn Đ, Tráng Văn L, Xạ Minh B, Vương Văn V, Vương Văn T phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Vương Văn T, Vương Văn P phạm tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Xạ Hữu T 28 (*Hai mươi tám*) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 30/12/2020 (20 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo T còn phải thi hành 26 (*Hai mươi sáu*) tháng cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Tráng Văn L 24 (*Hai mươi tư*) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 14/12/2020 đến ngày 24/12/2020 (11 ngày) được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo L còn phải thi hành 22 (*Hai mươi hai*) tháng 27 (*hai mươi bảy*) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Xạ Minh B 18 (*Mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 18/12/2020 đến ngày 28/12/2020 (11 ngày) được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo B còn phải thi hành 16 (*Mười sáu*) tháng 27 (*hai mươi bảy*) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn Đ 18 (*mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam, kể từ ngày 12/12/2020 đến ngày 24/12/2020 (13 ngày) được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Đ còn phải thi hành 16 (*Mười sáu*) tháng 21 (*hai mươi một ngày*) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn B 15 (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 30/12/2020 (20 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo B còn phải thi hành 13 (*Mười ba*) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Sùng Văn Đ 15 (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 24/12/2020 (14 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Đ còn phải thi hành 13 (*Mười ba*) tháng 18 (*mười tám*) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn C 15 (*mười lăm*) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020 (18 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo C còn phải thi hành 13 (*Mười ba*) tháng 06 (*sáu*) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Lý Quang V 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020 (17 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo

không giam giữ, bị cáo V còn phải thi hành 10(Mười) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương T N 12(mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 30/12/2020 (20 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo N còn phải thi hành 10(Mười) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020 (18 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo T còn phải thi hành 10(Mười) tháng 06(sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 24/12/2020 (14 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo V còn phải thi hành 10 (Mười) tháng 18(mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Long Văn M 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 30/12/2020 (20 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo M còn phải thi hành 10(Mười) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Sạ Hữu H 12(mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020 (18 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo H còn phải thi hành 10(Mười) tháng 06(sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt Sạ Hữu Đ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020 (18 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo Đ phải thi hành 10 (Mười) tháng 06(sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vui Văn C 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 28/12/2020 (18 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo C còn phải thi hành 10(Mười) tháng 06(sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Sạ Hữu T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 24/12/2020 (14 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo T còn phải thi hành 10(Mười) tháng 18(mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vàng Văn K 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam kể từ ngày 11/12/2020 đến ngày 30/12/2020 (20 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo K còn phải thi hành 10(Mười) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn V 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 18/12/2020 đến ngày 30/12/2020 (13 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo V còn phải thi hành 10 (Mười) tháng 21(hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 21/12/2020 đến ngày 28/12/2020 (08 ngày), được chuyển đổi theo tỷ lệ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo T còn phải thi hành 11(Mười một) tháng 06(sáu) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Xạ Hữu T, Lý Quang V, Vương Văn B, Vương T N, Sùng Văn Đ, Vương Văn T, Vương Văn V, Vương Văn C, Long Văn M, Sạ Hữu H, Sạ Hữu Đ, Vui Văn C, Sạ Hữu T, Vàng Văn K, Vương Văn Đ, Tráng Văn L, Xạ Minh B, Vương Văn V, Vương Văn T là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo cho chính Xạ Hữu T, Vương Văn B, Vương T N, Sùng Văn Đ, Vương Văn T, Vương Văn V, Vương Văn C, Long Văn M, Sạ Hữu H, Sạ Hữu Đ, Vui Văn C, Sạ Hữu T, Vàng Văn K, Vương Văn Đ, Xạ Minh B, Vương Văn V, Vương Văn T cho UBND xã T, huyện H, tỉnh H nơi các bị cáo cư trú để giám sát giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giáo dục người đó.

Giao bị cáo Lý Quang V cho UBND xã T, huyện H, tỉnh H nơi các bị cáo cư trú để giám sát giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giáo dục người đó.

Giao bị cáo Tráng Văn L cho UBND xã T, huyện H, tỉnh H nơi các bị cáo cư trú để giám sát giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giáo dục người đó.

Các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 99, 100, 105 Luật thi hành án hình sự. Trường hợp các bị cáo Xạ Hữu T, Vương Văn B, Vương T N, Sùng Văn Đ, Vương Văn T, Vương Văn V, Vương Văn C, Long Văn M, Sạ Hữu H, Sạ Hữu Đ, Vui Văn C, Sạ Hữu T, Vàng Văn K, Vương Văn Đ, Xạ Minh B, Vương Văn V, Vương Văn T không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần;

- Miễn khẩu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn T 15(*Mười năm*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30(*Ba mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Vương Văn P 12(*Mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24(*Hai mươi tư*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Vương Văn T, Vương Văn P cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh H để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục người đó. “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

*** Vật chứng vụ án:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền là 12.458.000đ (*mười hai triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

- Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 01 chiếc nhựa màu xanh, 01 chiếc bát sứ màu trắng, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị hình tròn làm B vỏ bao thuốc lá trắng long, một mặt vàng, một mặt trắng.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an huyện H và Chi cục thi hành án dân sự huyện H ngày 16/4/2021*).

*** Về án phí:** Căn cứ Điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Xạ Hữu T, Lý Quang V, Vương Văn B, Vương T N, Sùng Văn Đ, Vương Văn T, Vương Văn V, Vương Văn C, Long Văn M, Sạ Hữu H, Sạ Hữu Đ, Vùi Văn C, Sạ Hữu T, Vàng Văn K, Vương Văn Đ, Tráng Văn L, Xạ Minh B, Vương Văn V, Vương Văn T, Vương Văn T, Vương Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- VKSND huyện H;
- Đội CSĐTTP về HS, KT, MT
CA huyện HSP;
- Cơ quan THAHS- HTTP CAHSP;
- Trại tạm giam CA tỉnh HG;
- Sở tư pháp tỉnh HG;
- Chi cục THADS huyện HSP;
- UBND xã T, T,
T, huyện HSP;
- Người bào chữa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, AV, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh P

